

ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM KINH SƯU HUYỀN PHÂN TÊ THÔNG TRÍ PHƯƠNG QUỶ

QUYỂN 4 (Phần 2)

Phẩm 30: PHẬT TIỂU TƯỚNG QUANG MINH CÔNG ĐỨC

Bốn môn giống như trước, theo thứ tự như trên đã nói.

Tiểu tướng là so sánh với nhau về đức riêng biệt. Sở dĩ Đức Phật tự nói, là bởi vì dụng của Hóa thân thì chỉ riêng Đức Phật mới hiểu đến tận cùng; cũng có thể Hóa thân tùy vật yếu kém khiến cho sinh khởi niềm tin, bởi vì có đức chân thật, cho nên Đức Phật tự nói.

Văn này có hai: Một, tổng quát nêu ra hình tướng tốt đẹp có được lợi ích; hai, từ “Như Lai túc hạ hữu thiên bức...” trở xuống là mở rộng phân rõ về tùy theo công đức thâm nhiếp lợi ích.

Văn phần một có bốn: Một là nêu ra tên gọi; hai là trình bày về tướng của Dụng; ba là phân rõ về quyền thuộc; bốn là nêu ra nhân trước kia để phân rõ về lợi ích của Dụng, phỏng theo thành tựu đức dụng về tiểu tướng của Như Lai khó cùng tận. Phần này có bốn nên suy nghĩ!

Trong phần hai là mở rộng có sáu: Một là phân rõ hình tướng tốt đẹp thâm nhiếp lợi ích; hai từ “Nhữ đẳng ưng đương...” trở xuống là khuyên dạy hưởng về báo ân và nhận biết về nhân quả; ba từ “Chư Thiên tử văn thị âm thanh...” trở xuống là phát khởi thực hành cúng dường; bốn từ “Thị cố chư Thiên tử...” trở xuống là khuyên dạy phát tâm sám hối lỗi lầm; năm từ “Thuyết thị pháp thời...” trở xuống là phân rõ về đạt được lợi ích quay trở lại để hồi hướng; sáu từ “Nhĩ thời chư Thiên tử...” trở xuống là đạt được lợi ích cho nên lưu truyền khắp nơi không dứt đoạn.

Văn phần một, có hai:

1) Phân rõ về tướng ánh sáng xoay tròn soi chiếu thâm nhiếp lợi

ích, phần này có hai có thể biết.

2) Từ “Sinh Thiên thượng dĩ...” trở xuống là khuyến khích thành tựu công hạnh thù thắng. Trong phần này có hai: Một, từ “Chánh cử...” trở xuống là so sánh để khuyến khích; hai, từ “Chư Thiên tử Lô-xá-na...” trở xuống là nêu ra lợi ích thù thắng để chỉ rõ.

Văn phần một là so sánh có ba: Một là chính thức khuyến khích, hai là Thiên tử ca ngợi, ba là trở lại chỉ rõ. Trong phần trở lại chỉ rõ có hai: Một, tổng quát nêu ra đức để khuyến khích; hai, từ “Như ngã...” trở xuống là dẫn ra ví dụ để chỉ rõ. Phần này có sáu Dụ, trong đó đều có hai văn có thể biết:

1. Dụ về pháp tánh Vô ngã.
2. Dụ về không có người đến.
3. Dụ về không có phương hướng trú xứ.
4. Dụ về lìa tạo tác thành pháp thiện.
5. Dụ về pháp không có phương hướng.
6. Dụ về các pháp không có lỗi lầm.

Trong phần hai là khuyên dạy hướng về, có bốn:

1. Nêu ra lợi ích để khuyên dạy khuyến khích;
2. Từ “Chư Thiên kỳ hữu...” trở xuống là nêu ra tổn hại để khuyến khích.
3. Từ “Nhữ tích...” trở xuống là nêu ra ân đức để chỉ rõ.
4. Từ “Chư Thiên tử...” trở xuống là chỉ ra pháp để khuyến khích.

Văn phần ba là phát khởi thực hành cúng dường, có sáu:

1. Thiết bày vật dụng cúng dường.
2. Hướng đến.
3. Không thấy.
4. Thiên trở lại chỉ rõ.
5. Trở lại sinh niệm cung kính.
6. Từ “Nhĩ thời Thiên diệu âm...” trở xuống là tôn trọng cung kính.

Đối với trong-ngoài đều có năm trăm phiến não, là tự tướng của mười sử-mười ác nương nhau tức là thành một trăm, mê lầm đối với năm trần bên trong sinh ra năm trăm, mê lầm đối với năm trần bên ngoài sinh ra năm trăm. Hai vạn một ngàn... thì có thể hiểu.

Trong phần bốn là khuyên dạy phát tâm, có ba:

1. Khuyên dạy phát tâm và sám hối lỗi lầm, Thiên tử đạt được lợi ích tóm lược có ba câu.
2. Từ “Thời chư Thiên tử...” trở xuống là trở lại hỏi có hai câu.

3. Từ “Nhĩ thời Thiên thanh...” trở xuống là trả lời. Văn trả lời có bốn: Một là chỉ rõ nghi thức sám hối có năm câu, hai từ “Thí như minh tịnh...” trở xuống là ví dụ so sánh có ba câu, ba từ “Thí như huyễn sư...” trở xuống là giải thích để điều phục nghi ngờ, bốn từ “Nhược như thị...” trở xuống là kết thúc về nghĩa dạy dỗ.

Trong phần năm là đạt được lợi ích, văn có hai:

1. Trình bày về đạt được lợi ích có hai câu.
2. Từ “Do vị năng kiến...” trở xuống là kết thúc về phạm vi trả lời.

Trong phần sáu từ “Nhĩ thời Thiên tử...” trở xuống là lần lượt chuyển tiếp tu hành theo quỹ phạm của giáo không dứt đoạn, có bốn:

1. Dùng hương hoa... để tu hạnh cúng dường.
2. Từ “Nhĩ thời bử hương vân...” trở xuống là tự hành đã thuần thực, tiếp tục chỉ dạy thâm nhiếp người khác, có bốn câu.
3. Từ “Ma-ha-tát an trú như thị...” trở xuống là thành tựu lợi ích thực hành cho nên chuyển sang làm lợi ích.

4. Từ “Tả thủ trì...” trở xuống là nêu ra ví dụ để so sánh thành tựu về quán pháp giới. Trong văn có bốn: Một là nêu ra ví dụ rộng lớn làm sáng tỏ về pháp khó tin, có ba câu; hai từ “Phật cáo Bảo Thủ Bồ-tát như thị...” trở xuống là pháp hợp thành tựu đức dụng sâu rộng; ba từ “Phật cáo Bảo Thủ Bồ-tát thí như thiên ức...” trở xuống là mở rộng thêm để ví dụ so sánh; bốn từ “Phật cáo Bảo Thủ Bồ-tát thí như định quang...” trở xuống là nêu ra phạm vi của ví dụ để kết luận về pháp sâu rộng, văn này khó hiểu cần phải suy nghĩ.

Vả lại, Đức Phật Thích-ca lúc làm Bồ-tát, có một tướng lợi ích ở một đời làm lợi ích cho một chúng sinh, một chúng sinh ấy lần lượt chuyển tiếp làm lợi ích cho tất cả chúng sinh, đều một đời đến được Tam-muội Ly Cấu. Như vậy tất cả chúng sinh lại làm lợi ích cho tất cả chúng sinh, như vậy tận cùng thời gian vị lai, xuống đến tất cả bàng sinh, hóa làm ngọc châu Như ý cũng làm lợi ích tận cùng thời gian vị lai. Một tướng của Bồ-tát đã có tác dụng như vậy, nên biết đức dụng của tướng Phật thì không thể nói. Một tướng nhỏ của Phật mà đức đã như vậy, tướng hải to lớn của Phật dựa theo đó có thể hiểu. Ý văn như vậy, tướng còn lại có thể biết.

Phẩm 31: PHỔ HIỀN BỒ TÁT HẠNH

Bốn môn giống như trước.

1. Giải thích về tên gọi: Hành rộng khắp pháp giới gọi là Phổ, Thể thuận theo điều hòa với thiện gọi là Hiền; Bồ-tát là con người; Hạnh là trình bày về nhân. Thể của Hạnh từ hai nghĩa mà được tên gọi.

2. Ý đưa ra. Vì sao đưa ra? Có hai: Thứ nhất là nghi ngờ rằng nhân quả trước đây lấy gì làm Thể, dựa vào đâu mà thành tựu? Vì giải quyết mối nghi này. Đây tức là nhân quả của tự Thể thứ hai, phẩm này là nhân, phẩm Tánh Khởi là quả. Nhân quả của phẩm này cùng với tu thành của phẩm trước đây chọn lấy khác biệt thế nào? Nếu chọn lấy dựa theo phạm vi của duyên, tức là thuộc về phẩm trước đây; lìa tánh mất dần trước sau, tức là thuộc về phẩm này.

Hỏi: Trong Địa trước đây mở rộng trình bày về lìa tánh, phẩm này nói gì?

Đáp: Bởi vì trước đây cần phải thâm nhiếp công hạnh riêng biệt làm phương tiện hướng về Thể, trong phẩm này đã trình bày chính là tánh của hành thuận với lý, mà không có hai Thể, nghĩa không phải là tướng, dùng duyên thì tất cả là duyên, dùng tánh thì tất cả là tánh.

Hỏi: Tánh khởi tuyệt ngôn lìa tướng, sao nói là có nhân quả?

Đáp: Có hai ý, một là bởi vì trong kinh, trong nhân phân rõ về Tánh khởi, trong quả trình bày về Tánh khởi, cho nên là hai; hai là tánh bởi vì không trú vào cho nên khởi lên, lúc khởi lên thì lìa tướng thuận theo pháp, cho nên có nhân quả.

Hỏi: Lúc khởi lên thì lìa cùng với duyên tu có gì khác biệt?

Đáp: Duyên tu lìa tu thì không thành tựu, tánh khởi lên không có duyên vẫn không tổn hại, cho nên khác biệt.

Hỏi: Hạnh Phổ Hiền ấy cũng như phần Tánh khởi thuận với Tu sinh, vì sao vẫn sau nói do nhiều pháp mà thành tựu xuất hiện ở thế gian?

Đáp: Đây là hướng về hiểu biết, không phải là dựa theo Thể của tánh, cho nên vẫn sau nhiều lần nói: Nếu như vậy nhận biết.

Hỏi: Nếu không nhận biết thì làm sao phân rõ về đấy khởi?

Đáp: Bởi vì quán khác-thấy khác, duyên tu thì không như vậy.

Thứ hai lại giải thích: Thâm nhiếp công hạnh riêng biệt trước đây để thành tựu về đức rộng khắp ấy, bởi vì biểu đạt về tánh khởi cho nên đưa ra. Nếu đưa ra cách giải thích này thì bởi vì thuộc về Tu sinh, tánh khởi về sau thì vẫn đi vào Bản hữu.

Hỏi: Hạnh Phổ Hiền thành tựu ở phần vị nào?

Đáp: Thật sự thì không dựa vào phần vị, ngay phần vị Giải kia trở đi đã thành tựu, là bởi vì ở văn kinh trước đây nói từ phần vị Giải trở lên, còn lại dựa theo suy nghĩ thâm nhiếp.

3. Trình bày về Tông, có hai môn phân biệt: a) Dựa theo con người; b) Dựa theo pháp. Con người là Thể-Đức-Dụng Tu sinh lìa, bắt đầu rộng lớn khác với trước đây mà thôi. Pháp là pháp thuộc hạnh Phổ Hiền, cũng có Thể-Tướng-Dụng, có đủ lý-giáo-hạnh-quả..., nhưng nghĩa khác nhau mà thôi.

Hỏi: Hai phẩm này không có Định và gia hộ-quy tụ chúng, sao nói là có Thể-Tướng?

Đáp: Thể của hai phẩm này biểu thị về sâu xa khó hiểu, bởi vì làm sáng tỏ về Thể của pháp vô cùng sâu rộng, gia hộ-quy tụ chúng... như đầu phẩm Thập Địa đã giải thích. Pháp nhờ vào con người hiển bày, cho nên phẩm này nói về con người.

4. Giải thích văn. Văn này có bốn: Một, phần Tựa; hai, chính thức tuyên thuyết; ba, kết luận chứng minh thành tựu; bốn, kệ tụng.

Văn phần Tựa có ba: Một là nêu ra tóm lược hiển bày mở rộng phân rõ về phạm vi tuyên thuyết, hai từ “Hà dĩ cố...” trở xuống là vấn đề, ba là trả lời.

Văn trả lời về ý của phẩm trước đây đối với duyên cho nên thu hẹp, Thể của phẩm này bao gồm duyên và không phải duyên cho nên rộng rãi; cũng có thể là duyên tu trước đây nêu ra Thể thuận theo tướng cho nên thu hẹp, phẩm này dấy khởi theo tướng tiến vào Thể cho nên rộng rãi. Hữu ở phẩm này thâm nhiếp Bốn hữu Tu sinh-Tu sinh Bốn hữu. Lại trước đây đối với cơ của một phẩm-hai phẩm, phẩm này thì rộng khắp. Phẩm này tổng quát dựa theo năm nghĩa: 1- Phần vị; 2- Căn; 3- Sự; 4- Bệnh; 5- Các hành. Văn có bốn: Một là tổng quát phân rõ về ý thuyết giảng ít trước đây, hai từ “Ngu si chúng sinh...” trở xuống là riêng biệt phân rõ về ý tùy thuận thuyết giảng; ba từ “Vi như thị...” trở xuống là kết luận, bốn từ “Phật tử nhược Bồ-tát...” trở xuống là sơ lược chỉ ra sai lầm của mê hoặc.

Hỏi: Ý văn mở rộng này thì giáo trước đã lớn, sao nói là hạn hẹp không có một cơ nào?

Đáp: Bởi vì công lực của phiền não rất lớn, thành tựu ít mà tổn hại nhiều.

Trên đây tuy không phải là ít mà bởi vì đối trị không dễ dàng. Nếu hướng về pháp giới Phổ Hiền thì không gọi là rộng, đây là dựa theo

công năng làm mê hoặc của Sân mà phân rõ về sai lầm. Nếu dựa theo Thể của tất cả các Hoặc, thì chỉ là ba Hoặc trong tâm.

Trong này có sáu:

1. Tổng quát phân rõ về sai lầm.
2. Vấn hỏi.
3. Tóm lược trả lời.
4. Mở rộng giải thích.
5. Kết luận.
6. Trở lại mở rộng.

Phần hiển bày mở rộng có ba có thể biết:

- Trăm chương dựa theo phần vị có sáu:

1. Thập Tín.
2. Từ “Bất lạc Phật pháp...” trở xuống là chương về Thập Trú.
3. Từ “Ly Bồ-tát hạnh...” trở xuống là chương về Thập Hạnh.
4. Từ “Phỉ báng Phật pháp...” trở xuống là chương về Thập Hồi Hướng.
5. Từ “Bất lạc Bồ-tát trú...” trở xuống là chương về Địa thứ nhất trở lên.
6. Không thuận với chư Phật ba đời tức là chương về Phật, đây là thuộc về nơi cuối cùng của Thập Địa, lý đều bao gồm mà thôi.

Trong phần hai là chính thức tuyên thuyết có ba có thể biết. Văn phần hai có sáu mươi câu, năm mươi câu đầu là nhân hạnh, mười câu tiếp theo là quả trong nhân.

Trong năm mươi câu đầu: Mười câu thứ nhất là Thập Tín, mười câu thứ hai là Thập Giải trở lên, mười câu thứ ba là Địa thứ nhất trở lên, hai mươi câu còn lại là Địa thứ chín và Địa thứ mười. Lý vẫn là nối thông mà thôi. Trong mười câu thứ nhất, bảy câu trước là Tín tu trong pháp Tự lợi, ba câu sau là Tín tu trong pháp Lợi tha. Trong mười câu thứ hai, sáu câu đầu là Tự hành, ba câu tiếp là hành Lợi tha thanh tịnh, một câu cuối là phần vị nhân thanh tịnh. Trong mười câu thứ ba là trí lần lượt phối hợp với Thập Địa. Trong mười câu thứ tư là khéo léo tùy thuận có thể biết. Trong mười câu thứ năm là tâm thẳng thắn, bảy câu trước là tướng của Địa thứ chín, trong đó hai câu đầu là nhận biết về căn, tiếp hai câu là nhận biết về thuốc, tiếp hai câu là nhận biết thuận theo phương tiện đích thực chứng được, tiếp một câu là loại trừ chướng; ba câu sau là tướng của Địa thứ mười có thể biết. Mười câu thứ sáu là phương tiện khéo léo, bốn câu đầu là quả của Pháp thân, bốn câu tiếp là quả của Báo thân, hai câu tiếp là quả của Hóa thân. Tiếp theo từ “Thị

cổ...” trở xuống là kết luận khuyến khích tu hành, có ba có thể biết.

Phần ba là chứng minh thành tựu có thể biết, có bốn: Một, mặt đất chấn động mưa hoa..., phần này có hai có thể biết; hai, cùng nổi thông với phương khác; ba, mười phương cùng chứng minh; bốn, lại tổng quát để kết thúc.

Trong phần bốn là kệ tụng có hai: Một là trường hàng nêu ra ý tuyên thuyết để sinh khởi, hai là chính thức kệ tụng. Văn kệ có một trăm hai mươi hai hàng: Hai hàng đầu tổng quát tụng về phạm vi của nhân hạnh đã nói, tiếp theo mở rộng ca ngợi về đức của hạnh Phổ Hiền, không phải là tụng về văn trước đây. Lại cũng một hàng một câu tức là một đức, không cần phải trải qua phân tích, điều này có thể suy nghĩ.

Văn nói cùng với các Như Lai giống nhau, là nhân-quả đều không có tướng, bởi vì nhân duyên tạo tác và không tạo tác, hai lực phát sinh của quả vốn như nhau. Quá khứ tức là vị lai, cả hai đời như nhau, nghĩa về nhân của quả Tập này, vốn chỉ là một tướng của ba đời, cho nên Thập Tín tức là các phần vị. Như vậy tất cả chỉ đưa vào tướng của thời gian, tức là pháp của mỗi một thời gian đưa vào thời gian hiện tại, không chứng phần vị trở thành so sánh. Đây là dựa theo thành tựu về hạnh sai biệt của Tam thừa. Lại cũng chín đời tự tại thâm nhiếp tiếp nhận đều chứng. Đây là dựa theo Phổ Hiền tự tại cho nên như vậy. Các pháp nhân quả đều như vậy, đó là chuẩn mực. Nếu đưa vào tướng biến hóa tạm thời..., thì không thuộc về giới hạn này, thích hợp có thể suy nghĩ!
